

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 19-07-2019

V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu

Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: bà
Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2019/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX - ST ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Hoàng T (Tên thường gọi: K), sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* chị Trần Ngọc G(Tên thường gọi: Huệ Năm), sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2018 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị G tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện

B, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44/2001 ngày 17/7/2001. Vợ chồng bình chung sống bình thường hạnh phúc, Đến khoảng năm 2013-2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không có sự hòa hợp trong ứng xử sinh hoạt, bất đồng quan điểm sống, sự việc diễn ra thường xuyên, kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Anh và chị G đã sống ly thân một khoảng thời gian dài từ năm 2016 liên tục cho đến nay. Nay anh thấy không còn tình cảm với chị G, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh và chị G có 03 người con chung là Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 31/7/2002, Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 06/10/2008 và Nguyễn Thị Thanh T3 sinh ngày 25/02/2010. Nguyễn vọng của anh T là được trực tiếp nuôi cháu T1. Còn cháu T2 và cháu T3 giao lại cho chị G nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Anh Giàu cấp dưỡng nuôi cháu T3 số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T3 thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lời khai bị đơn chị Trần Ngọc G trình bày: Về quan hệ hôn nhân: chị và anh T tìm hiểu nhau 03 năm rồi mới đi đến hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 2000, đến năm 2001 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quá trình sống chung thì cuộc sống vợ chồng bình thường hạnh phúc. Khoảng 05 năm trở lại đây thì anh T thường xuyên đi chơi không lo làm, chơi bởi không chăm lo cho gia đình, thường xuyên đi làm 02 – 03 tháng mới về nhà được một vài ngày rồi lại đi tiếp, bỏ bê con cái cho một mình chị chăm sóc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong ứng xử sinh hoạt hàng ngày, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị và anh T đã sống ly thân khoảng 03 năm nay tức là từ năm 2016 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, chị không còn tình cảm gì với anh Thi, anh Tyêu cầu ly hôn thì chị đồng ý. Tuy nhiên chị yêu cầu anh T phải đưa cho chị số tiền 500.000.000đ là tiền chia tài sản chung của vợ chồng, do anh T bán tài sản chung của vợ chồng để tiêu xài cá nhân hết. Đối với yêu cầu anh T phải đưa chị số tiền 500.000.000đ tiền chia tài sản chung vợ chồng thì chị sẽ khởi kiện anh T bằng một vụ án khác khi chị thấy cần thiết.

Về con chung: Chị và anh T có 03 người con chung là Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 2002, Nguyễn Hoàng T2 sinh năm 2008 và Nguyễn Thị Thanh T3 sinh năm 2010. Hiện nay cháu T1 đang ở với bên nhà anh Thi, còn cháu T2 và cháu T3 do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị với anh T ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Hoàng T2 sinh năm

2008 và Nguyễn Thị Thanh T3 sinh năm 2010. Giao cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 2002 cho anh Nguyễn Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị đồng ý anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T3 số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T3 thành niên đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ: không có.

Ngoài ra chị không yêu cầu gì thêm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa: Về tố tụng: Không có ý kiến gì. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T được ly hôn với chị Trần Ngọc Giàu. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 31/7/2002 cho anh Nguyễn Hoàng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 06/10/2008 và Nguyễn Thị Thanh T3 sinh ngày 25/02/2010 cho chị Trần Ngọc G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu T3 số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T3 thành niên đủ 18 tuổi. Đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Ngọc Giàu, quá trình thụ lý vụ án, xác định chị G có nơi cư trú tại: Thôn 1, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Ngọc Giàu:

Anh Nguyễn Hoàng T và chị Trần Ngọc G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước, đối chiếu với giấy chứng nhận kết hôn do anh T giao nộp hợp pháp tại Tòa án, căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Hoàng T và chị Trần Ngọc G là hợp pháp.

Anh T và chị G chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013-2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được

tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng xảy ra cãi vã, làm mất tình cảm vợ chồng, anh chị đã sống ly thân một khoảng thời gian dài từ năm 2016 cho đến nay. Về mâu thuẫn giữa anh T và chị G cũng được chị G thừa nhận tại biên bản lời khai. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị G là trầm trọng thể hiện qua việc anh T và chị G đã sống ly thân một khoảng thời gian dài từ năm 2016 liên tục cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị G.

[3] Về con chung: Anh T và chị G có 03 con chung là Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 2002, Nguyễn Hoàng T2 sinh năm 2008 và Nguyễn Thị Thanh T3 sinh năm 2010. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 31/7/2002; Giao hai cháu Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 06/10/2008 và Nguyễn Thị Thanh T3 sinh ngày 25/02/2010 cho chị Trần Ngọc G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại biên bản lời khai chị G cũng đồng ý. Mặt khác, căn cứ biên bản lời khai của cháu Nguyễn Hoàng T1 có nguyện vọng được ở với anh Thi, cháu Nguyễn Hoàng T2 và Nguyễn Thị Thanh T3 có nguyện vọng được ở với chị G. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 31/7/2002 cho anh Nguyễn Hoàng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 06/10/2008 và cháu Nguyễn Thị Thanh T3 sinh ngày 25/02/2010 cho chị Trần Ngọc G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh T3 sinh ngày 25/02/2010 số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T3 thành niên đủ 18 tuổi, tại biên bản lời khai chị G cũng đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi cháu T3 số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T3 thành niên đủ 18 tuổi. Xét thấy, nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Do đó, cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T3 số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T3 thành niên đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (19/7/2019).

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Đối với yêu cầu của chị G tại biên bản lời khai ngày 19/7/2019 là yêu cầu

anh T phải đưa chi số tiền 500.000.000đ tiền chia tài sản chung vợ chồng, tuy nhiên chi sẽ khởi kiện anh T bằng một vụ án khác khi chi thấy cần thiết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu chi G có yêu cầu anh T trả tiền chia tài sản chung vợ chồng thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật và cùng với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T được ly hôn với chị Trần Ngọc Giàu.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 31/7/2002 cho anh Nguyễn Hoàng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 06/10/2008 và Nguyễn Thị Thanh T3 sinh ngày 25/02/2010 cho chị Trần Ngọc G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và con chung được thực hiện theo các quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về yêu cầu cấp dưỡng: Buộc anh Nguyễn Hoàng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh T3 sinh ngày 25/02/2010 số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu T3 thành niên đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (19/7/2019).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009121 ngày 10/01/2019. Như vậy, anh T còn phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thu Hà